

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2022/KDTM-ST**

Ngày: 25/8/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T k - X d – T m P p A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 81/29 H V H, Phường 9, quận P N, TP. H C M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cái Trọng P (Theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2021). *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Quốc V (Đoàn Luật sư Thành phố H C M). *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn : Công ty cổ phần T đ F.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Bùi Hải H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 29 Tòa nhà B A, số 265 đường C G, phường D V, quận C G, Thành phố H N.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trong quá trình tố tụng:

Công ty Luật TNHH S – Người đại diện bà Nguyễn Thị Hồng N.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đặng Thị L (Theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2022). *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại Đơn khởi kiện, các Bản tự khai, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH T k - X d – T m P p A thông qua đại diện hợp pháp theo ủy quyền thống nhất với người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:**

Ngày 04/4/2016, Công ty TNHH T k - X d – T m P P A (tên cũ là Công ty TNHH X d và T m P P A) (“gọi tắt là Công ty P P A”) và Công ty Cổ phần T đ F (“gọi tắt là Công ty F”) có ký kết Hợp đồng số 55A/2016/HĐTC/BĐ/FLC-PHONGPHUA (“gọi tắt là Hợp đồng”) với các nội dung thỏa thuận như sau:

Công ty F giao cho Công ty P P A thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị bể bơi cho Công trình: Khách sạn khu Fusion Resort Q N (“gọi tắt là Công trình”) thuộc dự án: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp N L tại xã N L, thành phố Q N, tỉnh B Đ (“gọi tắt là Dự án”);

Ngày bắt đầu thi công là ngày 26/04/2016;

Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) là **7.357.872.500 đồng** (*Bảy tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng*);

Do phát sinh hạng mục công việc cho hệ thống lọc bể Kid Pool nên ngày 24/10/2018, Công ty P P A và Công ty F ký kết Phụ lục hợp đồng số 03 với giá trị (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) là **97.152.000 đồng** (*Chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng*);

Như vậy, tổng giá trị Hợp đồng là **7.455.024.500 đồng** (*Bảy tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu không trăm hai mươi tư nghìn năm trăm đồng*).

Thực hiện Hợp đồng, Công ty P P A đã hoàn thành xong việc thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị bể bơi cho Công trình theo yêu cầu,

chỉ dẫn và bàn giao cho Công ty F với tổng giá trị thi công là **6.950.790.248 đồng** (*Sáu tỷ chín trăm năm mươi triệu bảy trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng*). Tuy nhiên, Công ty F chỉ mới thanh toán cho Công ty P P A số tiền: **5.293.292.125 đồng** (*Năm tỷ hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Như vậy, số tiền còn lại mà Công ty F còn phải thanh toán cho Công ty P P A là: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*).

Ngày 26/11/2019, Công ty P P A và Công ty F đã ký Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán và Biên bản thanh lý Hợp đồng. Theo đó, Công ty F xác nhận Công ty P P A đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của Hợp đồng (bao gồm cả việc hoàn thành nghĩa vụ bảo hành) và cam kết sẽ thanh toán số tiền còn lại là: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*), trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký Biên bản thanh lý Hợp đồng cho Công ty P P A.

Tuy nhiên, Công ty F đã không thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty P P A trong thời hạn 14 ngày như thỏa thuận tại Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 26/11/2019. Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2022, hiện tại Công trình đã hoàn thiện và đã được Công ty F đưa vào khai thác, phục vụ cho khách nghỉ dưỡng nhưng Công ty F vẫn cố tình trốn tránh và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mặc dù đã được Công ty P P A gửi các thông báo và công văn đề nghị thanh toán.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 20.6 của Hợp đồng và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, Công ty F còn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 11/12/2019 đến ngày 25/8/2022 (tức 988 ngày) (với mức lãi suất 9%/năm) với số tiền là **403.793.789 đồng** (*Bốn trăm linh ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*). Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 20.6 của Hợp đồng thì số tiền lãi không vượt quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán. Do đó, Công ty F sẽ phải trả số tiền lãi cho Công ty P P A là **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

Tại phiên tòa phía nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận C G, thành phố H N xem xét buộc Công ty Cổ phần T đ F phải thanh toán ngay cho Công ty TNHH T k - X d – T m P P A các khoản tiền sau:

Tiền nợ gốc: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*);

Tiền lãi do chậm thanh toán: **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng*).

Như vậy, tổng cộng số tiền mà Công ty Cổ phần T đ F phải thanh toán cho Công ty TNHH T k - X d – T m P P A là: **1.790.097.973 đồng** (*Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Công ty Cổ phần T đ F phải thanh toán cho Công ty TNHH T k - X d – T m P P A một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ được tiếp tục tính theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn Công ty Cổ phần T đ F thông qua đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày như sau:**

Công ty Cổ phần T đ F xác định cùng ký kết Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng số 55A/2016/HĐTC/BĐ/FLC-PHONGPHUA ngày 04/4/2016 và 03 (Ba) Phụ lục Hợp đồng kèm theo như nguyên đơn trình bày là đúng. Bị đơn thừa nhận là nguyên đơn cũng đã thực hiện Hợp đồng. Hai bên đã có Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 26/11/2019 trong đó xác định số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với vị trí của công trình bể bơi, bị đơn cũng xác định mặc dù tên của dự án thì gọi là Khách sạn F R Q N, nhưng sau khi đưa vào vận hành thì đổi tên thành Khách sạn F L có địa chỉ tại xã N L, thành phố Q N, tỉnh B Đ. Hiện nay, bể bơi đã được đưa vào vận hành và phục vụ khách nghỉ dưỡng tại khách sạn như Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là đúng. Đối với phần điều chỉnh cách tính lãi suất trên số tiền chậm thanh toán của nguyên đơn, từ chỗ tính theo quy định của ngân hàng chuyển sang tính đúng theo quy định tại Điều 20.6 của Hợp đồng thì số tiền lãi không vượt quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán. Do đó, Công ty F sẽ trả số tiền lãi cho Công ty P P A là **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng*) về phía bị đơn chấp nhận. Bị đơn chấp nhận cách tính gốc và lãi của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C G tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận C G đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Về thủ tục: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét

xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện liên quan đến nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và xử lý tài sản đảm bảo là chính đáng nên chấp nhận. Án phí bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty TNHH T k - X d – T m P P A, sau đây gọi tắt là Công Ty P P A hoặc nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần T đ F, sau đây gọi tắt là Công Ty F hoặc bị đơn, hiện có trụ sở chính tại địa chỉ: Tầng 29, tòa nhà B A, số 265 đường C G, phường D V, quận C G, Thành phố H N, khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản nợ phát sinh trong quá trình thi công dự án xây dựng theo Hợp đồng cung cấp vật tư, thi công lắp đặt các hạng mục thiết bị bể bơi số 55A/2016/HĐTC/BĐ/FLC-PHONGPHUA. Vì vậy, đây là “Tranh chấp Hợp đồng xây dựng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố H N theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 35 của BLTTDS

[2] Về thời hiệu: Căn cứ vào thời hạn Hợp đồng cung cấp vật tư, các biên bản làm việc và văn bản thông báo của Công ty TNHH T k - X d – T m P p A gửi cho bị đơn Công ty cổ phần T đ F, vụ án được khởi kiện trong hạn luật định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về các khoản tiền cần thanh toán, HĐXX nhận định:

Đủ cơ sở để xác định nguyên đơn công ty p p A và bị đơn công ty cổ phần t đ F Đã ký kết hợp đồng kinh tế số 55^A/2016/HĐTC/BĐ/FLC-PHONGPHUA và 03 (Ba) Phụ lục Hợp đồng ngày 04 tháng 4 năm 2016.

Hai bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng và Công ty TNHH T k - X d – T m P P A đã thiết kế thi công xây dựng bể bơi Tại công trình khu nghỉ dưỡng F L R tại xã N L, thành phố Q N, tỉnh B Đ.

Hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ khu bể bơi này đã được đưa vào khai thác hoạt động phục vụ khách hàng (Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2022)

Tại phiên tòa, nguyên đơn điều chỉnh cách tính lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo đúng quy định trong Hợp đồng hai bên đã ký. Bị đơn thừa nhận nợ gốc và lãi. Như vậy đủ cơ sở khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền còn nợ đối với công trình xây dựng bể bơi nêu trên là hoàn toàn chính đáng. HĐXX thấy rằng cần buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc, lãi tổng cộng **1.790.097.973 đồng** (*Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó:

- Tiền nợ gốc: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*);

- Tiền lãi do chậm thanh toán: **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng*), (lãi suất tạm tính đến ngày 25/8/2022).

Vì bị đơn chậm thanh toán cho nên phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán cũng là chính đáng. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 kể từ ngày 26/8/2022 cho đến khi thi hành án xong.

[4] Án phí KDTM sơ thẩm:

Án phí KDTM sơ thẩm bị đơn phải chịu là **65.702.939 đồng** (*Sáu mươi lăm triệu bảy trăm linh hai nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 360, Điều 363, Điều 385, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; Điều 171, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T k - X d – T m P p A đối với bị đơn Công ty Cổ phần T đ F về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần T đ F phải thanh toán các khoản tiền công nợ và các thiệt hại phát sinh do chậm thanh toán từ Hợp đồng số 55^A/2016/HĐTC/BĐ/FLC-PHONGPHUA và 03 (Ba) Phụ lục Hợp đồng kèm theo ngày 04/4/2016.

2/ Xác định bị đơn Công ty Cổ phần T đ F còn nợ nguyên đơn Công ty TNHH T k - X d – T m P p A các khoản tiền sau đây:

-Tiền nợ gốc: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*);

-Tiền lãi do chậm thanh toán: **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng*), (lãi tạm tính đến ngày 25/8/2022).

Tổng cộng là: **1.790.097.973 đồng** (*Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

3/ Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T đ F phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH T k - X d – T m P p A số tiền là **1.790.097.973 đồng** (*Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó bao gồm:

-Tiền nợ gốc: **1.657.498.123 đồng** (*Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng*);

- Tiền lãi do chậm thanh toán: **132.599.850 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng*), (lãi tạm tính đến ngày 25/8/2022).

4/ Kể từ ngày 26/8/2022 cho đến khi thi hành án xong nếu bị đơn Công ty Cổ phần T đ F chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi nêu trên thì bị đơn còn tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm thanh toán và tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

5/ Về án phí KDTM sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T đ F phải chịu án phí **65.702.939 đồng** (*Sáu mươi lăm triệu bảy trăm linh hai nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T k - X d – T m P p A số tiền tạm ứng án phí là **35.250.000 đồng** (*Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tại

biên lai thu tiền số 0018154 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, Thành phố H N.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty TNHH Th k - X d – T m P P A và bị đơn Công ty Cổ phần T đ F đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự và đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng